

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHUNG TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ
NGÀNH KỸ THUẬT CẤP THOÁT NƯỚC

Ban hành kèm Quyết định số 1843/QĐ-ĐHTL ngày 12/11/2020 của Trường Đại học Thủy lợi

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
I	GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG	GENERAL EDUCATION			45									
I.1	Lý luận chính trị	Political Subjects			13									
1	Pháp luật đại cương	General Law	GEL111	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2	2								
2	Triết học Mác - Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	MLP121	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	3	3								
3	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Marxist-Leninist Political Economy	MLPE222	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2		2							
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Science socialism	SCSO232	Những nguyên lý cơ bản CNMLN	2			2						
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	HCPV343	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2				2					
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Thought	HCMT354	TTHCM&ĐLCM ĐCSVN	2					2				
I.2	Kỹ năng	Communication Skills			3									
7	Kỹ năng mềm và tinh thần khởi nghiệp		SSE111	Phát triển kỹ năng	3		3							
I.3	Khoa học tự nhiên và tin học	Natural Science & computer			23									
8	Tin học cơ bản	Introduction to Informatics	CSE100	Tin học và Kỹ thuật tính toán	2	2								
9	Giải tích hàm một biến	Single Variable Calculus	MATH111	Toán học	3		3							
10	Giải tích hàm nhiều biến	Multivariable Calculus	MATH122	Toán học	3		3							
11	Nhập môn đại số tuyến tính	Introduction to Linear Algebra	MATH232	Toán học	2			2						
12	Vật lý I	Physics 1	PHYS112	Vật lý	3	3								
13	Hóa đại cương	General Chemistry	CHEM112	Hóa cơ sở	3		3							
14	Phương trình vi phân	Differential Equations	MATH243	Toán học	2			2						
15	Thống kê trong kỹ thuật			Thủy văn	2	2								
16	Vật lý II	Physics 2	PHYS223	Vật lý	3		3							
I.4	Tiếng Anh	English		Tiếng Anh	6									
17	Tiếng Anh 1	English 1	ENG213	Tiếng Anh	3			3						
18	Tiếng Anh 2	English 2	ENG224	Tiếng Anh	3				3					

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
39	Tổ chức và Quản lý xây dựng	Construction organizational and management	COOM418	Công nghệ và quản lý xây dựng	2							2		
40	Thoát nước	Sewerage and Drainage	SEWS417	Cấp thoát nước	3							3		
41	Đồ án thoát nước	Project of Sewerage and Drainage	SEWS427	Cấp thoát nước	1							1		
11	Phân tích chất lượng nước	Water quality analysis	WQA417	Cấp thoát nước	2						2			
42	Xử lý nước cấp	Water Treatment	WAT417	Cấp thoát nước	3							3		
43	Đồ án xử lý nước cấp	Project of Water Treatment	WAT427	Cấp thoát nước	1							1		
44	Kinh tế xây dựng I	Construction Economics 1	CECON316	Quản lý xây dựng	2							2		
45	Xử lý nước thải	Waste Water Treatment	WWT418	Cấp thoát nước	3								3	
46	Đồ án xử lý nước thải	Project of Waste Water Treatment	WWT428	Cấp thoát nước	1								1	
47	Công trình thu và trạm bơm cấp thoát nước	Pumping Stations and Water Intake	PUMP417	Cấp thoát nước	4								4	
48	Đồ án công trình thu và trạm bơm cấp thoát nước	Project of Pumping Stations and Water Intake	PUMP427	Cấp thoát nước	1								1	
49	Cấp thoát nước bên trong công trình	Water Supply and Sewerage of Buildings	WSSB417	Cấp thoát nước	3								3	
50	Đồ án cấp thoát nước bên trong công trình	Project of Water Supply and Sewerage of Buildings	WSSB427	Cấp thoát nước	1								1	
51	Thi công công trình cấp thoát nước	Water Supply and Sewerage construction	WSSC419	Cấp thoát nước	2								2	
II.4	Học phần tốt nghiệp	Graduation thesis			13									
	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	GIN419	Cấp thoát nước	3									3
	Đồ án tốt nghiệp	Graduation thesis	GTH419	Cấp thoát nước	10									10
II.5	Kiến thức tự chọn	Selectives			16					4	4	4	4	
<i>1</i>	<i>Đồ án thủy lực công trình</i>	<i>Project of Hydraulics Engineering</i>	<i>PHE</i>	<i>Thủy lực</i>	<i>1</i>					<i>1</i>				
<i>2</i>	<i>Thủy lực dòng hở</i>	<i>Open Channel Hydraulics</i>	<i>HDR345</i>	<i>Thủy lực</i>	<i>2</i>					<i>2</i>				
<i>3</i>	<i>Thủy văn đô thị</i>	<i>Urban Hydrology</i>	<i>UH404</i>	<i>Thủy văn</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
<i>4</i>	<i>Mạng điện hạ thế</i>	<i>Low Voltage Circuit</i>	<i>LVCH417</i>	<i>Kỹ thuật điện</i>	<i>3</i>							<i>3</i>		
<i>5</i>	<i>Tin học ứng dụng trong cấp thoát nước</i>	<i>Applied informatics in water supply and drainage design</i>	<i>AIWSD418</i>	<i>Cấp thoát nước</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
<i>6</i>	<i>Quy hoạch và phát triển nông thôn</i>	<i>Rural Planning Development</i>	<i>RPD336</i>	<i>Kỹ thuật tài nguyên nước</i>	<i>2</i>							<i>2</i>		
<i>7</i>	<i>Quy hoạch hệ thống thủy lợi</i>	<i>Water resources System Planning</i>	<i>PMWR437</i>	<i>Kỹ thuật tài nguyên nước</i>	<i>2</i>						<i>2</i>			

TT	Môn học (Tiếng Việt)	Môn học (Tiếng Anh)	Mã môn học	Bộ môn quản lý	Tín chỉ	HK1	HK2	HK3	HK4	HK5	HK6	HK7	HK8	HK9
8	Quản lý chất thải rắn và chất độc hại	Solid and Hazardous Waste Management	ENV235	Quản lý môi trường	3					3				
9	Kỹ thuật tài nguyên nước	Water Resources Engineering	WRE437	Kỹ thuật tài nguyên nước	3						3			
10	Quản lý và khai thác công trình cấp thoát nước	Management and Operation of Water Supply and Sanitation Systems	MOWS441	Cấp thoát nước	3								3	
11	Kinh tế đầu tư xây dựng	Construction investment economics	CON448	Quản lý xây dựng	2						2			
12	Quản lý dự án	Project management	PJM418	Quản lý xây dựng	2						2			
13	Quản lý chất lượng nước trong hệ thống thủy lợi	Irrigation Water Sampling and Monitoring	IWS427	Kỹ thuật tài nguyên nước	2								2	
14	Thiết kế hệ thống thủy lợi	Irrigation and Drainage System Design	IDSD419	Kỹ thuật tài nguyên nước	3								3	
15	Ứng dụng Hệ thống tin địa lý (GIS) và Viễn thám	GIS and RS Applications	GRSA419	Trắc địa	2					2				
	Tổng cộng (I + II)	Total			155	14	17	16	20	18	18	20	19	13

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG KHOA